

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14 – 5 – 2021.

Về việc ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Trần Minh Đáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 244/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần H**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Ấp X, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Ông **Lê B**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp X, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi ở hiện nay: Ấp S, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

*(Nguyên đơn bà Trần H có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Lê B
vắng mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 8 năm 2020 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Trần H trình bày: Vào năm 1983, bà H với ông B tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức lễ cưới cũng không đăng ký kết hôn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống, bà H với ông B phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Ông B thường uống rượu, không quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình và có hành vi đánh bà H. Khoảng tháng 7 năm 2019 ông B với bà H sống ly thân đến nay, ông B sống ở ấp S, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà H và ông B có 02 người con chung là chị Lê Tr sinh năm 1984 và chị Lê Th sinh năm 1991, hiện nay các con đã trưởng thành, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông B có 01 xe gắn máy biển số 94FB 3859 hiện ông B đang quản lý, 01 căn nhà ở ấp X, xã C, huyện V hiện do bà H sử dụng; diện tích đất nông nghiệp 1.430,8m² ở ấp S, xã L, huyện V hiện do ông B sử dụng. Do tài sản chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn ông Lê B trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 01 năm 2021: Ông B thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về hôn nhân: Ông B đồng ý ly hôn với bà H .

Về con chung: Do chị Lê Tr sinh năm 1984 và chị Lê Th sinh năm 1991 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông B và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông B xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông B , xử cho bà H được ly hôn với ông B . Về con chung, chị Lê Thảo Trang sinh năm 1984 và chị Lê Trang Thảo sinh năm 1991 đã trưởng thành, bà H và ông B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, bà H và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nợ chung không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Kim H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn B . Khi khởi kiện ông B đang sống tại ấp S, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H , ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà H và ông B đều thống nhất vào năm 1983 bà H và ông B tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ quy định điểm a mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội: *“Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”*. Do vậy, hôn nhân giữa bà H với ông B là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận.

[4] Thấy rằng, bà H và ông B đã không chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2019, do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu ly hôn với ông B và ông B cũng đồng ý ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông B , xử cho bà H được ly hôn với ông B theo quy định khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Về con chung: Bà H và ông B có hai người con là chị Lê Thảo Trang sinh năm 1984 và chị Lê Trang Thảo sinh năm 1991, đã trưởng thành. Bà H và ông B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà H và ông B thống nhất quá trình chung sống tạo lập tài sản gồm: 01 xe gắn máy biển số 94FB 3859 hiện ông B đang quản lý, 01 căn nhà ở ấp X, xã C, huyện V hiện do bà H sử dụng; diện tích đất nông nghiệp 1.430,8m² ở ấp S, xã L, huyện V hiện do ông B sử dụng. Do bà H và ông B thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà H và ông B đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà H phải chịu 300.000 đồng, bà Trần H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008424 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, được chuyển thu án phí.

[9] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 85, điểm a Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần H đối với ông Lê B .
Xử cho bà Trần H được ly hôn với ông Lê B .

2. Về con chung: Chị Lê Tr sinh năm 1984 và chị Lê Th sinh năm 1991, đã trưởng thành; bà Trần H và ông Lê B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần H và ông Lê B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần H và ông Lê B thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Bà Trần H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Trần H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008424 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, được chuyển thu án phí.

6. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Trang Thảo